

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 27/2022/HNGĐ-GĐT

Ngày: 13/12/2022

*V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi
ly hôn, tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Châu

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân

Ông Tô Chánh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Vũ Phương, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hôn nhân và gia đình về “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim P1, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp K1, xã K2, huyện K3, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn N1, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp K4, xã K5, huyện K3, tỉnh Bình Dương (chết ngày 16/4/2019).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông Trần Văn N1:

2.1. Bà Nguyễn Thị Bích P2, sinh năm 1979 (vợ của Ông N1); địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn K6, huyện K3, tỉnh Bình Dương.

2.2. Chị Trần Ngọc T1, sinh năm 1999 (con của Bà P1, Ông N1); địa chỉ: Ấp K1, xã K2, huyện K3, tỉnh Bình Dương.

2.3. Anh Lê Thanh S1, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 1, Ấp K4, xã K5, huyện K3, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Khắc Đ1, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp K4, xã K5, huyện K3, tỉnh Bình Dương.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn K6, huyện K3, tỉnh Bình Dương.

3.3. Chị Trần Ngọc T1, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp K1, xã K2, huyện K3, tỉnh Bình Dương.

3.4. Chị Đào Thị T2, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp K4, xã K5, huyện K3, tỉnh Bình Dương.

3.5. Bà Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp K7, xã K8, huyện K3, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Bà Phạm Thị Kim P1 trình bày:

Bà P1 và Ông Trần Văn N1 kết hôn năm 1998, có một người con chung là chị Trần Ngọc T1, sinh năm 1999. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà và Ông N1 thuận tình ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện K3 giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 22/2009/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2009.

Về tài sản chung: Bà xác định quyền sử dụng thửa đất số 261, tờ bản đồ số 14, qua đo đạc thực tế có diện tích 1.640,5m² loại đất trồng cây lâu năm khác, thuộc Ấp K4, xã K5, huyện K3, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số vào sổ H 05591, do Ủy ban nhân dân huyện K3 cấp cho Ông Trần Văn N1 ngày 17/3/2008 là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi ly hôn, Bà P1 đã nhiều lần yêu cầu Ông N1 thực hiện phân chia tài sản chung nhưng Ông N1 không đồng ý.

Nay Bà P1 khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn là quyền sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên. Do Ông N1 đã chết trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án nên Bà P1 đề nghị được nhận hiện vật và hoàn trả 1/2 giá trị quyền sử dụng đất còn lại cho các đồng thừa kế của Ông N1.

Bà đề nghị Tòa án không công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Trần Văn N1 và Ông Nguyễn Khắc Đ1 lập ngày 13/4/2018, vì Ông N1 chuyển nhượng tài sản chung cho Ông Đ1 nhưng không được sự đồng ý của bà và hợp đồng chưa được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Ông Trần Văn N1 là bà Nguyễn Thị Bích P2 trình bày: Năm 2018, bà và Ông Trần Văn N1 kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K5, huyện K3. Trong quá trình chung sống,

giữa bà và Ông N1 không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung, không có con chung. Bà P2 không có ý kiến về việc Bà Phạm Thị Kim P1 tranh chấp tài sản là quyền sử dụng phần đất tranh chấp trên. Bà P2 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn Ông Trần Văn N1, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Ngọc T1 trình bày:

Chị là con của Ông Trần Văn N1 và Bà Phạm Thị Kim P1. Chị thống nhất yêu cầu khởi kiện của Bà P1 và không có yêu cầu bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Ngọc L1 trình bày:

Ngày 28/12/2007, bà có chuyển nhượng cho Ông Trần Văn N1 quyền sử dụng phần đất nay Bà P1 có tranh chấp. Việc chuyển nhượng đã thực hiện xong, nên bà không có ý kiến gì trong vụ án này và đề nghị được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Bà có đặt cọc cho Ông N1 số tiền là 100.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng phần đất. Sau đó, bà và Ông N1 thỏa thuận hủy hợp đồng đặt cọc. Ông N1 đã hoàn trả lại cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Nay bà không có ý kiến về việc Bà Phạm Thị Kim P1 tranh chấp quyền sử dụng phần đất nêu trên và đề nghị được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ông Nguyễn Khắc Đ1 trình bày:

Ngày 13/4/2018, ông đã nhận chuyển nhượng từ Ông Trần Văn N1 phần đất tranh chấp nêu trên với số tiền nhận chuyển nhượng là 680.000.000 đồng (tương đương 356.207 đồng/m²). Ông đã giao cho Ông N1 số tiền 650.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng, các bên thỏa thuận khi nào ký hợp đồng công chứng xong, ông sẽ giao tiếp số tiền còn lại cho Ông N1. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông mới biết Bà P1 đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của Bà P1 và Ông N1 là phần đất tranh chấp trên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì Ông N1 chết. Ông có yêu cầu độc lập:

- Đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 13/4/2018, biên bản thỏa thuận lần 2 lập ngày 18/4/2018 đã được ký kết giữa Ông Đ1 và Ông N1.

- Yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông N1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết.

Ông Đ1 cho rằng phần diện tích đất tranh chấp được đo đạc thực tế là 1.640,5m², các bên đều thống nhất với giá chuyển nhượng là 584.357.583 đồng.

Như vậy, Ông Đ1 đã trả dư tiền cho Ông N1 so với diện tích đất thực tế Ông Đ1 nhận chuyển nhượng là 65.642.462 đồng. Ông Đ1 không yêu cầu các đồng thừa kế của Ông N1 trả lại. Về án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Ông Đ1 tự nguyện chịu toàn bộ thay cho các đồng thừa kế của Ông N1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Đào Thị Thành (vợ của Ông Nguyễn Khắc Đ1) trình bày:

Bà Thành thống nhất yêu cầu của Ông Đ1, không có ý kiến nào khác và đề nghị vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Công văn số 971/UBND-NC ngày 19/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện K3 trình bày: phần đất tranh chấp có nguồn gốc do Ông Trần Văn N1 nhận chuyển nhượng từ Bà Nguyễn Thị Ngọc L1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã K5 chứng thực vào ngày 28/12/2007. Việc cấp GCNQSDĐ cho Ông N1 là đúng đối tượng sử dụng và đúng trình tự cấp GCNQSDĐ theo Luật đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004. Theo Mảnh trích đo địa chính ngày 02/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K3 thì diện tích đất thực tế là 1.640,5m² nhỏ hơn diện tích đất được cấp trong GCNQSDĐ là 268,5m², nguyên nhân là do Bà L1 chuyển nhượng cho Ông N1 theo diện tích được trích lục tại bản đồ địa chính xã K5, không tiến hành đo đạc thực tế. Trong quá trình sử dụng đất có sự thay đổi hiện trạng nên có sự chênh lệch so với diện tích đất được cấp GCNQSDĐ.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân huyện K3, tỉnh Bình Dương đã quyết định: (tóm tắt)

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Kim P1 về việc yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn đối với người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ông Trần Văn N1 là chị Trần Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Bích P2 đối với quyền sử dụng 1/2 diện tích 1640,5m² đất thuộc thửa số 261, tờ bản đồ số 14, loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc Ấp K4, xã K5, huyện K3, tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 05591, được Ủy ban nhân dân huyện K3, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/3/2008.

2. Công nhận hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết ngày 13/4/2018 và biên bản thỏa thuận lần hai ngày 18/4/2018 giữa Ông Trần Văn N1 và Ông Nguyễn Khắc Đ1 có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Khắc Đ1 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất nhận chuyển nhượng từ Ông Trần Văn N1.

3. Ông Nguyễn Khắc Đ1 được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án của Tòa án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 27/11/2019, Bà Phạm Thị Kim P1, bà Nguyễn Thị Bích P2 và chị Trần Ngọc T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 26/2020/HNGĐ-PT ngày 22/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định (*tóm tắt*):

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Phạm Thị Kim P1, bà Nguyễn Thị Bích P2, chị Trần Ngọc T1.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện K3, tỉnh Bình Dương.

Ngày 15/7/2020, Bà Phạm Thị Kim P1 có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 26/2020/HNGĐ-PT ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2022/KN-HNGĐ ngày 29/9/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 26/2020/HNGĐ-PT ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện K3, giao hồ sơ vụ án trên về Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Năm 1998, Bà Phạm Thị Kim P1 kết hôn cùng Ông Trần Văn N1, đến ngày 07/5/2009, Bà P1, Ông N1 được Tòa án nhân dân huyện K3, tỉnh Bình Dương công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 22/2009/QĐST-HNGĐ, về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2017, Bà P1 yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là phần đất có diện tích 1.909 m² (đo đạc thực tế là 1.640,5m²) thuộc thửa số 261, tờ bản đồ số 14, loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại xã K5, huyện K3, tỉnh Bình Dương (sau đây được gọi là phần đất tranh chấp), có nguồn gốc do Ông N1 nhận chuyển nhượng của Bà Nguyễn Thị Ngọc L1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã

K5 chứng thực ngày 28/12/2007, số 706, Quyền số 01/2007/TP/CC-SCT/HĐGD và được Ủy ban nhân dân huyện K3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 282983, số vào sổ cấp GCN H05591 ngày 07/01/2008 mang tên Ông Trần Văn N1. Như vậy, phần đất tranh chấp trên là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của Ông N1, Bà P1 đang tồn tại. Mặc dù chỉ có Ông N1 là người trực tiếp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Bà L1, nhưng Ông N1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là tài sản riêng của ông. Căn cứ quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực tại thời điểm Ông N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp là tài sản chung của Bà P1, Ông N1. Tại Đơn xác nhận của bà Trần Thị Duyên (chị ruột của Ông N1), được Ủy ban nhân dân xã K5 chứng thực ngày 15/7/2020, bà Duyên xác nhận Ông N1, Bà P1 và con chung là chị Trần Ngọc T1 sống với nhau từ năm 1998 đến năm 2009 thì ly hôn; sau đó Bà P1 và chị T1 mới đi nơi khác sinh sống, không có việc ly thân từ năm 2007 và Bà P1 bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2007. Các Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm nhận định do Bà P1 đi khỏi địa phương và sống ly thân với Ông N1 từ năm 2007, không đóng góp công sức gì vào việc nhận chuyển nhượng phần đất trên, để xác định phần đất tranh chấp là tài sản riêng của Ông N1 là không đúng.

[3] Yêu cầu khởi kiện của Bà P1 đã được Tòa án nhân dân huyện K3, tỉnh Bình Dương thụ lý theo Thông báo số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2018. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ngày 13/4/2018, Ông Trần Văn N1 lại ký hợp đồng chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Khắc Đ1 quyền sử dụng diện tích đất nêu trên. Ông Đ1 cũng thừa nhận ông biết Bà P1 đang tranh chấp đất với Ông N1, nhưng ông vẫn ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất với Ông N1 mà không có sự đồng ý của Bà P1. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông N1 và Ông Đ1 đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 và Ông Đ1 không được xem là người ngay tình trong việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm nhận định do Ông N1 đã nhận của Ông Đ1 số tiền 650.000.000 đồng trên tổng số 680.000.000 đồng (tương đương 95% giá trị hợp đồng) nên công nhận hiệu lực của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông N1 và Ông Đ1 được lập vào ngày 13/4/2018 là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

[4] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Tòa án đã đưa anh Lê Thanh S1 (sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: Tổ 1, Ấp K4, xã K5, huyện K3, tỉnh Bình Dương) vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa nghĩa vụ tố tụng của Ông Trần Văn N1, vì cho rằng anh S1 là con riêng của Ông N1. Tại Đơn trình bày ngày 12/6/2020, anh S1 có ý kiến: “Mặc dù tôi là con ruột của Ông N1, tuy

nhiên tôi đã không sống chung, không có qua lại với Ông N1 từ thời điểm tôi sinh ra tới nay; Giấy khai sinh của tôi cũng không để tên cha mà chỉ để tên mẹ là bà Lê Thị Noi. Nhận thấy tôi không liên quan gì đến vụ án đang tranh chấp, không có bất cứ quyền lợi cũng như nghĩa vụ gì đối với tài sản đang tranh chấp; tôi không yêu cầu giải quyết quyền lợi gì đối với di sản cũng như nghĩa vụ mà Ông N1 chết để lại (nếu có).” (BL 235). Tài liệu có trong hồ sơ vụ án như bản phô-tô Giấy khai sinh (bản sao) của anh Lê Thanh S1, không có chứng thực, trích sao của cơ quan có thẩm quyền, thể hiện anh Lê Thanh S1 có mẹ tên là Lê Thị Noi, phân họ và tên cha để trống (BL 229). Do đó, chưa đủ cơ sở xác định anh S1 là con đẻ của Ông N1. Việc Tòa án cấp phúc thẩm đưa anh S1 vào tham gia tố tụng và nhận định “Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ án, không ảnh hưởng đến quyền lợi của anh S1 nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm” là chưa đủ cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325, Điều 337, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 349 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015,

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2022/KN-HNGĐ ngày 29/9/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 26/2020/HNGĐ-PT ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện K3, tỉnh Bình Dương đối với vụ án “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là Bà Phạm Thị Kim P1, bị đơn là Ông Trần Văn N1 (chết ngày 16/4/2019); những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông Trần Văn N1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên và địa chỉ nêu tại trang 1, trang 2 của Quyết định này.

Giao hồ sơ vụ án trên cho Tòa án nhân dân huyện K3, tỉnh Bình Dương xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP.HCM (để biết);
- TAND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện K3;
- Chi cục THADS huyện K3;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII, HSVA.
(ĐVP)

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Châu